TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tài Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

2. Bà Ngô Thị Mai Du.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi* tham gia phiên tòa**: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Phạm Đăng T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh Phạm Đăng T quen biết tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2017.

Trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con. Từ tháng 2/2019 đến nay chị và anh T sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu được ly hôn anh Phạm Đăng T.

Về con chung: Chị T trình bày có một con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 23/12/2017. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc cháu K.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo nội dung khởi kiện ban đầu chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Đăng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh T.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T. Đối với con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 23/12/2017, hiện nay đang sống chung với chị T, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Phạm Đăng T đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Phạm Đăng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án số: 103/TB-TLVA ngày 02/6/2020; hai giấy triệu tập số 132/GTT-TA và số 133/GTT-TA ngày 19/6/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số: 207/TB-TA ngày 14/7/2020; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ số: 227/TB-TA ngày 24/7/2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2020, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa; chị Nguyễn Thị Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đăng T và chị Nguyễn Thị Xuân T là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Phạm Đăng T tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại biên bản xác minh ngày 03/7/2020 ông Phạm Đăng C là cha ruột, sinh sống cùng nơi cư trú với anh T cho biết: Trong thời gian sống chung với nhau, chị T và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại Thị trấn C, huyện N sinh sống, chị T và anh T hiện đang sống ly thân với nhau. Anh T đã biết toàn bộ nội dung khởi kiện của chị T và anh T có trình bày đồng ý ly hôn chị T, đồng ý giao con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 23/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Qua đó thấy rằng trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị T và anh T đoàn tụ, nhưng anh T không hợp tác, không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng.

Như vậy, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T, cho chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Đăng T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh T có một con chung tên Phạm Anh K, sinh ngày 23/12/2017.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu K hiện nay còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Theo nội dung khởi kiện ban đầu chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T. Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Đăng T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 23/12/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002396 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Phạm Đăng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
-VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chị cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND thị trấn C, huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Tài Tính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**